

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình dạy học các ngành đào tạo
trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 06 năm 2012 và Luật sửa đổi bổ sung, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ quyết định số 3655/QĐ-BVHTTDL ngày 01/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 08/2007/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 08 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 510/QĐ-TDTTBN ngày 09/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh về việc ban hành chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo các ngành đại học chính quy của trường Đại học TDTT Bắc Ninh;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo, QLKH & HTQT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình dạy học các ngành trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy. Mã ngành: 7140206; 7810302; 7810301; 7729001 (có văn bản kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Hành chính, Tổng hợp; Trưởng các khoa Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao, Quản lý TDTT; Y Sinh học Thể dục thể thao và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường (b/c);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, ĐTQLKH&HTQT (C12)



PGS. TS. Nguyễn Văn Phúc

**A - BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 648/QĐ-TDTTBN ngày 25 tháng 4 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh)

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản lý Thể dục Thể thao được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý và tư duy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực TDTT. Trong bối cảnh xã hội hiện đại với sự phát triển mạnh mẽ của thể thao thành tích cao, thể thao phong trào, thể thao giải trí và kinh tế thể thao, ngành Quản lý TDTT ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức, điều hành và phát triển các hoạt động thể thao từ cơ sở đến chuyên nghiệp.

Chương trình được thiết kế theo định hướng nghiên cứu, và ứng dụng, kết hợp giữa kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành, đảm bảo sự phát triển toàn diện về năng lực chuyên môn, năng lực quản trị và các kỹ năng nghề nghiệp. Sinh viên được trang bị hệ thống kiến thức nền tảng về khoa học quản lý, kinh tế học, truyền thông, marketing thể thao, tổ chức sự kiện, tài chính, pháp luật trong TDTT và các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở tiếp cận theo chuẩn đầu ra, đảm bảo sự liên thông giữa mục tiêu đào tạo, nội dung học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Thông tin chung

Tên chương trình	Quản lý thể dục thể thao (Sport Management)
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Quản lý thể dục thể thao
Mã ngành	7810301
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Thời gian đào tạo	4 năm
Số tín chỉ	124
Loại bằng	Cử nhân
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Quản lý thể dục thể thao

3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Quản lý TDTT có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt; Có khả năng triển khai, vận dụng kiến thức và kỹ năng quản lý để

giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực TDDT; Có khả năng tư duy độc lập và thích ứng với mọi môi trường làm việc, thích nghi với yêu cầu phát triển cá nhân trong tương lai.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Mã mục tiêu	Mô tả
PO1	Có kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về khoa học quản lý, các kiến thức liên ngành và kiến thức chuyên sâu trong phạm vi Quản lý TDDT đáp ứng các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp và học tập suốt đời.
PO2	Có năng lực giải quyết các vấn đề khoa học quản lý TDDT và năng lực tổ chức, quản lý các hoạt động TDDT trong thực tiễn
PO3	Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và ra quyết định một cách độc lập, linh hoạt trong các tình huống quản lý thể thao ở các cấp độ khác nhau.
PO4	Hình thành năng lực tự chủ trong học tập, nghiên cứu và phát triển chuyên môn; có đạo đức tốt, trách nhiệm nghề nghiệp cao và khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc và nhu cầu xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mã CDR	Nội dung	Thang Bloom
PLO1. Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị và pháp luật liên quan đến TDDT.	1.1. Khái quát hoá được các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị và pháp luật liên quan đến TDDT.	2
	1.2. Phân tích được mối quan hệ giữa các lĩnh vực này với công tác quản lý TDDT	4
	1.2. Vận dụng kiến thức liên ngành để giải thích tình huống quản lý cụ thể trong TDDT.	3
PLO2. Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành vào việc giải thích, đánh giá và thực hiện các vấn đề trong quản lý TDDT	2.1. Giải thích được kiến thức cơ sở ngành	2
	2.2. Phân tích và đánh giá hoạt động TDDT dựa trên kiến thức cơ sở ngành	5
	2.3. Vận dụng kiến thức cơ sở ngành vào thực tiễn quản lý.	3
PLO3. Phân tích và đánh giá được các vấn đề quản lý TDDT hiện tại và xu hướng phát triển, dựa vào kiến thức chuyên ngành để đề xuất giải pháp quản lý TDDT	3.1. Phân tích thực tiễn hoạt động TDDT hiện tại	3
	3.2. Đánh giá xu hướng phát triển TDDT.	5
	3.3. Đề xuất giải pháp dựa trên kiến thức chuyên sâu ngành quản lý TDDT.	6
PLO4. Có khả năng triển khai hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn	4.1. Nhận diện được các vấn đề cần được nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn.	2
	4.2. Vận dụng được các phương pháp NCKH phù hợp với lĩnh vực chuyên môn.	3
	4.3. Phân tích và đưa ra các khuyến nghị từ kết quả nghiên cứu.	5
PLO5. Thiết lập và xây dựng được chiến lược, kế hoạch cho các hoạt động TDDT	5.1. Lập được kế hoạch tổ chức các hoạt động TDDT	2

Mã CDR	Nội dung	Thang Bloom
động thể thao chuyên nghiệp và cộng đồng.	5.2. Xây dựng chiến lược phát triển hoạt động TDTT chuyên nghiệp.	4
	5.3. Thiết kế các chương trình thể thao cộng đồng.	5
PLO6. Thiết kế, tổ chức các hoạt động TDTT phong trào và thi đấu thể thao ở cơ sở	6.1. Thiết kế chương trình thi đấu, phong trào TDTT ở cấp cơ sở	5
	6.2. Tổ chức triển khai sự kiện và hoạt động thể thao	4
	6.3. Đánh giá hiệu quả hoạt động TDTT tại địa phương.	5
PLO7. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	7.1. Thực hiện được các tình huống giao tiếp cơ bản yêu cầu sử dụng ngoại ngữ	2
	7.2. Viết được văn bản đơn giản bằng ngoại ngữ	4
	7.3. Sử dụng ngoại ngữ ở mức độ cơ bản trong các hoạt động chuyên môn	4
PLO8. Thực hiện thành thạo kỹ năng tin học cơ bản	8.1. Thực hiện được các kỹ năng tin học cơ bản	2
	8.2. Lựa chọn và sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức quản lý các hoạt động TDTT	3
PLO9. Vận dụng kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và ra quyết định hiệu quả trong môi trường thể thao đa dạng và thay đổi.	9.1. Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản trong môi trường TDTT	4
	9.2. Tham gia và điều phối hoạt động làm việc nhóm hiệu quả.	4
	9.3. Phân tích và giải quyết các tình huống, vấn đề phát sinh trong hoạt động quản lý thể thao.	5
PLO10. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, phát triển nghề nghiệp liên tục; có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới và phát triển của ngành TDTT.	10.1. Xác định được nhu cầu học tập suốt đời và định hướng phát triển nghề nghiệp cá nhân.	5
	10.2. Thể hiện thái độ trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng đồng.	5
	10.3. Thích nghi với môi trường làm việc đa dạng và thay đổi, có khả năng đổi mới và sáng tạo.	4

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo			
	PO1	PO2	PO3	PO4
PLO1	x			
PLO2	x			
PLO3	x			

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo			
	PO1	PO2	PO3	PO4
PLO4	x	x	x	
PLO5		x	x	
PLO6		x	x	
PLO7		x	x	
PLO8		x	x	
PLO9		x	x	x
PLO10				x

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Học Phần	Mã HP	TC	Chuẩn đầu ra (PLO)									
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
A	Kiến thức giáo dục đại cương		31										
1	Triết học Mác - Lênin	1ĐC301GHQY	3	3	-	-	-	-	-	-	-	1	2
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1ĐC302GHQY	2	3	-	-	-	-	-	-	-	1	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1ĐC303GHQY	2	2	-	-	-	-	-	-	-	2	2
4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	1ĐC305GHQY	2	2	-	-	-	-	-	-	-	2	3
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1ĐC304GHQY	2	2	-	-	-	-	-	-	-	2	3
6	Ngoại ngữ 1	1ĐC201GHQY	3	-	-	-	-	-	-	2	-	2	2
7	Ngoại ngữ 2	1ĐC202GHQY	3	-	-	-	-	-	-	3	-	2	2
8	Tin học đại cương	1ĐC103GHQY	2	-	-	-	-	-	-	-	3	2	2
9	Tâm lý học đại cương	1TL101GHQY	2	2	-	-	-	-	-	-	-	2	2
10	Giáo dục học đại cương	1TL201GHQY	2	2	-	-	-	-	-	-	-	2	3
11	Thống kê toán học	1ĐC101GHQY	2	2	-	-	3	-	-	-	-	1	2
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1ĐC106GHQY	2	2	-	-	3	-	-	-	-	2	2
13	Quản lý hành chính nhà nước	1QL001GHQY	2	2	-	-	-	-	-	-	-	2	2
14	Pháp luật đại cương	1QL002GHQY	2	2	-	-	-	-	-	-	-	2	3
B	Kiến thức cơ sở ngành		41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	I. Bắt buộc			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tâm lý học Thể dục thể thao	1TL102HQY	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	3
2	Giáo dục học Thể dục thể thao	1TL202HQY	2	-	2	-	-	-	-	-	-	2	3
3	Sinh lý Thể dục thể thao 1	1YS03GHQY	2	-	2	-	-	-	2	-	-	2	1
4	Sinh lý Thể dục thể thao 2	1YS04GHQY	2	-	2	-	-	-	2	-	-	2	1
5	Y học Thể dục thể thao	1YS05GHQY	3	-	3	-	-	-	2	-	-	2	2

TT	Học Phần	Mã HP	TC	Chuẩn đầu ra (PLO)									
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
6	Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh	1ĐK009GQY	2	-	1	2	-	-	3	-	-	-	2
7	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục	1TD009GQY	2	-	1	2	-	-	3	-	-	3	2
8	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội	1BL009GQY	2	-	1	2	-	-	3	-	-	-	2
9	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 1	1LL001GQY	2	-	2	1	-	-	-	-	-	2	2
10	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 2	1LL002GQY	2	-	3	1	-	-	-	-	-	2	2
11	Đo lường Thể thao	1ĐC102GHYQ	2	-	2	-	2	-	-	-	-	2	1
12	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	1GO009GQY	2	-	2	-	-	-	3	-	-	-	2
II. Tự chọn 1 (6/20 tín chỉ)													
13	Lịch sử Thể dục thể thao	1LL07GHQY	2	-	2	-	-	-	1	-	-	2	2
14	Giải phẫu Thể dục thể thao	1YS02GHQY	2	-	2	-	-	-	1	-	-	2	2
15	Vệ sinh Thể dục thể thao	1YS01GHQY	2	-	2	-	-	-	1	-	-	2	2
16	Tâm lý học quản lý	1TL104Q	2	-	2	-	-	-	1	-	-	2	2
17	Hồi phục Thể thao	1YS09HQ	2	-	2	-	-	-	1	-	-	2	2
18	Dinh dưỡng Thể thao	1YS08HQ	2	-	2	-	-	-	1	-	-	2	2
19	Sinh hóa Thể dục thể thao	1YS07GHQ	2	-	2	-	-	-	1	-	-	2	2
20	Sinh cơ Thể dục thể thao	1YS06GHQ	2	-	2	-	-	-	1	-	-	2	2
21	Khởi nghiệp - sáng tạo	1QL003GHQY	2	-	2	-	-	-	1	-	-	2	2
22	Văn hóa thể thao	1TL204GHQY	2	-	2	-	-	-	1	-	-	2	2
III. Tự chọn 2 (10/30 tín chỉ)													
23	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	1BB009GQY	2	-	-	-	2	-	3	-	-	2	2

TT	Học Phần	Mã HP	TC	Chuẩn đầu ra (PLO)									
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
24	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném	1BN009GQ	2	-	-	-	2	-	3	-	-	2	2
25	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	1BR009GHQY	2	-	-	-	2	-	3	-	-	2	2
26	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	1BD009GHQY	2	-	-	-	2	-	3	-	-	2	2
27	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	1BC009GQY	2	-	-	-	2	-	3	-	-	2	2
28	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	1VO009GQY	2	-	-	-	2	-	3	-	-	2	2
29	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	1QV009GQY	2	-	-	-	2	-	3	-	-	2	2
30	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	1CL007GYQ	2	-	-	-	2	-	3	-	-	2	2
31	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua	1CV009GQ	2	-	-	-	2	-	3	-	-	2	2
32	Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo	1TD010GQY	2	-	-	-	2	-	3	-	-	2	2
33	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng	1BS009GQY	2	-	-	-	2	-	3	-	-	2	2
34	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cử tạ	1DK009Q	2	-	-	-	2	-	3	-	-	2	2
35	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật	1VJ009GQY	2	-	-	-	2	-	3	-	-	2	2
36	Lý luận và phương pháp giảng dạy Đá cầu	1BD010GQ	2	-	-	-	2	-	3	-	-	2	2
37	Lý luận và phương pháp giảng dạy Trò chơi vận động	1BN010GHQ	2	-	-	-	2	-	3	-	-	2	2
C	Các môn kiến thức ngành		38										
	I. Bắt buộc												
1	Kế hoạch hóa Thể dục thể thao	1QL010Q	2	-	-	2	-	3	-	-	-	3	2
2	Khoa học quản lý	1QL011Q	4	-	-	3	2	-	-	-	-	2	2

TT	Học Phần	Mã HP	TC	Chuẩn đầu ra (PLO)									
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
3	Xã hội học Thể dục thể thao 1	1QL012Q	2	-	-	2	1	-	-	-	-	2	1
4	Xã hội học Thể dục thể thao 2	1QL013Q	2	-	-	3	2	-	-	-	-	3	2
5	Kinh tế học Thể dục thể thao 1	1QL014Q	2	-	-	2	1	-	-	-	-	2	2
6	Kinh tế học Thể dục thể thao 2	1QL015Q	2	-	-	3	2	-	-	-	-	3	2
7	Marketing Thể thao	1QL016Q	3	-	-	2	2	1	-	-	-	3	2
8	Quản lý truyền thông Thể thao	1QL017Q	3	-	-	3	2	-	-	-	-	2	2
9	Tổ chức quản lý thi đấu thể thao	1QL018Q	3	-	-	-	1	2	3	-	-	3	2
10	Du lịch thể thao	1QL019Q	3	-	-	2	2	2	-	-	-	2	3
11	Quản lý Thể dục thể thao giải trí 1	1QL020Q	3	-	-	2	2	2	-	-	-	3	2
12	Quản lý Thể dục thể thao giải trí 2	1QL021Q	3	-	-	3	2	-	2	-	-	3	3
II. Tự chọn (6/20 tín chỉ)													
13	Pháp lý Thể dục thể thao	1QL022Q	2	1	-	2	1	-	-	-	-	2	2
14	Quản lý TTTT cao	1QL023Q	2	1	-	2	1	-	-	-	-	2	2
15	Văn bản lưu trữ	1QL024Q	2	1	-	2	1	-	-	-	-	2	2
16	Quản lý TDTT quần chúng	1QL025Q	2	1	-	2	1	-	-	-	-	2	2
17	Đường lối Thể dục thể thao của Đảng cộng sản Việt Nam	1QL006QY	2	1	-	2	1	-	-	-	-	2	2
18	Tin học trong quản lý	1ĐC104Q	2	1	-	2	1	-	-	-	-	2	2
19	Toán kinh tế	1ĐC105Q	2	1	-	2	1	-	-	-	-	2	2
20	Quản trị thương hiệu	1QL026Q	2	1	-	2	1	-	-	-	-	2	2

TT	Học Phần	Mã HP	TC	Chuẩn đầu ra (PLO)									
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
21	Đàm phán và giao tiếp	1QL027Q	2	1	-	2	1	-	-	-	-	2	2
22	Quản lý sân bãi, công trình TDTT	1QL028Q	2	1	-	2	1	-	-	-	-	2	2
D	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp		14										
1	Thực tập nghiệp vụ lần 1	1TT001Q	3	2	2	2	2	2	2	-	2	3	3
2	Thực tập nghiệp vụ lần 2	1TT002Q	5	2	2	3	3	3	3	-	2	3	3
3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế	1LV001Q	6	2	2	3	3	3	2	-	2	3	3
	Học phần chuyên môn thay thế												
1	Quản lý hoạt động thể dục thể thao xã hội	1QL030Q	3	2	2	3	3	3	2		2	3	3
2	Khoa học quản lý	1QL029Q	3	2	2	3	3	3	2		2	3	3
	Tổng số tín chỉ		124										

Ghi chú: Mức độ đóng góp của HP và PLO được xác định cụ thể:

0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp ít; 2 - Đóng góp trung bình; 3 - Đóng góp cao; (-) - Không xác định

6. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

6.1. Cơ hội việc làm

Sinh viên sau tốt nghiệp ngành Quản lý TDDT có thể công tác tại:

Nhóm 1: Có khả năng làm việc tại các cơ quan nhà nước, bao gồm các Bộ, Sở, Phòng, Ban các cơ quan về TDDT từ Trung ương đến địa phương.

Nhóm 2: Làm việc cho các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ TDDT ... như nhân viên tư vấn, hướng dẫn tổ chức tập luyện và hoạt động TDDT.

Nhóm 3: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan đến TDDT, như các Câu lạc bộ, Liên đoàn, Hiệp hội ...

Nhóm 4: Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về TDDT như: Các trường đại học, cao đẳng, trung tâm, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan đến TDDT.

6.2. Khả năng học tập nâng cao

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) thuộc đúng chuyên ngành hoặc học chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác thuộc khối ngành thể dục thể thao tại các trường.

Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

7. Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

7.1. Tiêu chí tuyển sinh

Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương phù hợp với quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT, theo quy định tuyển sinh và đề án tuyển sinh của Trường. Hội đồng tuyển sinh của Trường đề xuất, quyết định và công bố các tiêu chí, ngưỡng điểm đủ điều kiện trúng tuyển theo các phương thức xét tuyển được xây dựng trong quy định, đề án tuyển sinh của Trường Đại học TDDT Bắc Ninh.

7.2. Quy trình đào tạo

Thời gian đào tạo: 4 năm gồm 8 học kỳ với tổng số 124 tín chỉ, 2475 giờ, bao gồm thời gian thực tập và làm khoá luận tốt nghiệp, mỗi năm gồm 2 học kỳ, chưa kể nội dung về Giáo dục Quốc phòng (165 tiết).

Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

Một năm học gồm 02 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè, nghỉ Tết.

Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí.

Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Trước khi các học kỳ bắt đầu, Nhà trường công bố học phần học tập của từng kỳ, mức đóng học phí. Sinh viên đi học theo thời khóa biểu đã công bố và thực hiện hoạt động học tập theo hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình học tập và kỳ thi cuối kỳ, giảng viên sẽ đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Kết quả học tập từng học phần của sinh viên được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo và công bố cho sinh viên tra cứu trên website của Trường. Khi sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo thì Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

7.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Về nhân cách: Đến thời điểm xét và công nhận tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trước toàn trường trở lên.

- Về học lực: Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình. Điểm trung bình chung học tập đạt từ 2.0 (điểm D) trở lên.

- Về đẳng cấp: 03 môn thể thao đạt đẳng cấp III

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Chương trình giảng dạy được chia thành 4 khối kiến thức: giáo dục đại cương kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp. Trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ tương ứng theo bảng sau:

TT	Thành phần	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	31	-
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	25	16
3	Khối kiến thức ngành	32	6
4	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp	14	-
Tổng		102	22

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 31 tín chỉ

- Khối kiến thức cơ sở ngành: 41 tín chỉ (bắt buộc: 25 tín chỉ, tự chọn 16 tín chỉ)

- Khối kiến thức ngành: 38 tín chỉ (bắt buộc: 32 tín chỉ, tự chọn 6 tín chỉ)

- Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp: 14 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Học phần	Tín chỉ	Số Tiết	Phân bổ giờ lên lớp			Mã HP tiên quyết	Mã HP kế tiếp	Mã HP song hành	HK thực hiện
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			31								
1	1ĐC301GHQY	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0	105				HK 1
2	1ĐC302GHQY	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0	70	1ĐC301GHQY			HK 2
3	1ĐC303GHQY	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	70	1ĐC301GHQY			HK 2
4	1ĐC305GHQY	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	30	0	70	1ĐC301GHQY			HK 3
5	1ĐC304GHQY	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	70	1ĐC301GHQY			HK3
6	1ĐC201GHQY	Ngoại ngữ 1	3	45	45	0	105		1ĐC202GHQY		HK 1
7	1ĐC202GHQY	Ngoại ngữ 2	3	45	45	0	105	1ĐC201GHQY			HK 2
8	1ĐC103GHQY	Tin học đại cương	2	45	15	30	55				HK 6
9	1TL101GHQY	Tâm lý học đại cương	2	30	30	0	70				HK 3
10	1TL201GHQY	Giáo dục học đại cương	2	30	30	0	70				HK 4
11	1ĐC101GHQY	Thống kê toán học	2	30	30	0	70				HK 3
12	1ĐC106GHQY	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0	70	1ĐC101GHQY			HK 5
13	1QL001GHQY	Quản lý hành chính nhà nước	2	30	30	0	70				HK 4
14	1QL002GHQY	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	70				HK 2
B. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			41								
	I. Bắt buộc										
1	1TL102HQY	Tâm lý học Thể dục thể thao	2	30	30	0	70	1TL101GHQY			HK 5
2	1TL202HQY	Giáo dục học Thể dục thể thao	2	30	30	0	70	1TL201GHQY			HK 6
3	1YS03GHQY	Sinh lý Thể dục thể thao 1	2	30	30	0	70		1YS04GHQY		HK3
4	1YS04GHQY	Sinh lý Thể dục thể thao 2	2	30	30	0	70	1YS03GHQY			HK4
5	1YS05GHQY	Y học Thể dục thể thao	3	45	45	0	105	1YS04GHQY			HK 7
6	1ĐK009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Điện kinh	2	60	0	60	40				HK 1
7	1TD009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục	2	60	0	60	40				HK 2

TT	Mã HP	Học phần	Tín chỉ	Số Tiết	Phân bố giờ lên lớp			Mã HP tiên quyết	Mã HP kế tiếp	Mã HP song hành	HK thực hiện
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
8	1BL009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội	2	60	0	60	40				HK 3
9	1LL001GQY	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 1	2	30	30	0	70		1LL002GQY		HK 5
10	1LL002GQY	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 2	2	30	30	0	70	1LL001GQY			HK 6
11	1ĐC102GHYQ	Đo lường Thể thao	2	30	30	0	70	1ĐC101GHQY			HK 4
12	1GO009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	2	45	15	30	55				HK 5
	II. Tự chọn 1 (6/20 tín chỉ)										
13	1LL07GHQY	Lịch sử Thể dục thể thao	2	30	30	0	70				
14	1YS02GHQY	Giải phẫu Thể dục thể thao	2	30	30	0	70				HK 2
15	1YS01GHQY	Vệ sinh Thể dục thể thao	2	30	30	0	70				HK 1
16	1TL104Q	Tâm lý học quản lý	2	30	30	0	70	1TL101GHQY			HK 7
17	1YS09HQ	Hồi phục Thể thao	2	30	30	0	70				
18	1YS08HQ	Dinh dưỡng Thể thao	2	30	30	0	70				
19	1YS07GHQ	Sinh hóa Thể dục thể thao	2	30	30	0	70	1YS03GHQY			
20	1YS06GHQ	Sinh cơ Thể dục thể thao	2	30	30	0	70	1YS03GHQY			
21	1QL003GHQY	Khởi nghiệp - sáng tạo	2	30	30	0	70				
22	1TL204GHQY	Văn hóa thể thao	2	30	30	0	70				
	III. Tự chọn 2 (10/30 tín chỉ)										
23	1BB009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	2	45	15	30	55				
24	1BN009GQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném	2	45	15	30	55				
25	1BR009GHQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	2	45	15	30	55				HK 6
26	1BĐ009GHQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	2	45	15	30	55				HK 5

TT	Mã HP	Học phần	Tín chỉ	Số Tiết	Phân bố giờ lên lớp			Mã HP tiên quyết	Mã HP kế tiếp	Mã HP song hành	HK thực hiện
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
27	1BC009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	2	45	15	30	55				HK 4
28	1VO009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	2	45	15	30	55				HK 6
29	1QV009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	2	45	15	30	55				HK 5
30	1CL007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	2	45	15	30	55				
31	1CV009GQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua	2	45	15	30	55				
32	1TD010GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo	2	45	15	30	55				
33	1BS009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng	2	45	15	30	55				
34	1ĐK009Q	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cử tạ	2	45	15	30	55				
35	1VJ009GQY	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật	2	45	15	30	55				
36	1BĐ010GQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Đá cầu	2	45	15	30	55				
37	1BN010GHQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Trò chơi vận động	2	45	15	30	55				
C. KIẾN THỨC NGÀNH			38								
	I. Bắt buộc										
1	1QL010Q	Kế hoạch hóa Thể dục thể thao	2	30	30	0	70				HK 1
2	1QL011Q	Khoa học quản lý	4	60	60	0	140				HK 1
3	1QL012Q	Xã hội học Thể dục thể thao 1	2	30	30	0	70	1QL011Q	1QL013Q		HK 6
4	1QL013Q	Xã hội học Thể dục thể thao 2	2	30	30	0	70	1QL012Q			HK 7
5	1QL014Q	Kinh tế học Thể dục thể thao 1	2	30	30	0	70		1QL015Q		HK3
6	1QL015Q	Kinh tế học Thể dục thể thao 2	2	30	30	0	70	1QL014Q			HK4

TT	Mã HP	Học phần	Tín chỉ	Số Tiết	Phân bố giờ lên lớp			Mã HP tiên quyết	Mã HP kế tiếp	Mã HP song hành	HK thực hiện
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
7	1QL016Q	Marketing Thể thao	3	45	45	0	105	1QL014Q/ 1QL015Q			HK 7
8	1QL017Q	Quản lý truyền thông Thể thao	3	45	45	0	105				HK 4
9	1QL018Q	Tổ chức quản lý thi đấu thể thao	3	45	45	0	105	1QL010Q			HK 6
10	1QL019Q	Du lịch thể thao	3	45	45	0	105				HK 8
11	1QL020Q	Quản lý Thể dục thể thao giải trí 1	3	45	45	0	105	1QL011Q	1QL021Q		HK 3
12	1QL021Q	Quản lý Thể dục thể thao giải trí 2	3	45	45	0	105	1QL020Q			HK 4
	II. Tự chọn (6/20 tín chỉ)										
13	1QL022Q	<i>Pháp lý Thể dục thể thao</i>	2	30	30	0	70	1QL001GHQY			
14	1QL023Q	Quản lý TTTT cao	2	30	30	0	70	1QL011Q			HK 6
15	1QL024Q	Văn bản lưu trữ	2	30	30	0	70	1QL001GHQY			HK 8
16	1QL025Q	Quản lý TDTT quần chúng	2	30	30	0	70	1QL011Q			HK 3
17	1QL006QY	<i>Đường lối TDTT của Đảng cộng sản Việt Nam</i>	2	30	30	0	70				
18	1ĐC104Q	<i>Tin học trong quản lý</i>	2	30	30	0	70				
19	1ĐC105Q	<i>Toán kinh tế</i>	2	30	30	0	70				
20	1QL026Q	<i>Quản trị thương hiệu</i>	2	30	30	0	70				
21	1QL027Q	<i>Đàm phán và giao tiếp</i>	2	30	30	0	70				
22	1QL028Q	<i>Quản lý sân bãi, công trình TDTT</i>	2	30	30	0	70				
	D. THỰC TẬP NGHIỆP VỤ VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP										
1	1TT001	Thực tập nghiệp vụ lần 1	3	135							HK 5
2	1TT002	Thực tập nghiệp vụ lần 2	5	225				1TT001			HK 7
3	1LV001	Khóa luận tốt nghiệp	6	270							HK 8
	Học phần chuyên môn thay thế										
1	1QL030Q	<i>Quản lý hoạt động TDTT xã hội</i>	3	135	30	5	105				HK 8
2	1QL029Q	<i>Khoa học quản lý</i>	3	135	33	7	105				HK 8
		Tổng cộng	124	2475							

3. Kế hoạch giảng dạy

TT	Môn học	Mã HP tiên quyết	Số giờ	Số TC	Số giờ trong học kỳ							
					HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG												
1	Triết học Mác - Lênin		45	3	45							
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1ĐC301GHQY	30	2		30						
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1ĐC301GHQY	30	2		30						
4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	1ĐC301GHQY	30	2			30					
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1ĐC301GHQY	30	2			30					
6	Ngoại ngữ 1		45	3	45							
7	Ngoại ngữ 2	1ĐC201GHQY	45	3		45						
8	Tin học đại cương		45	2						45		
9	Tâm lý học đại cương		30	2			30					
10	Giáo dục học đại cương		30	2				40				
11	Thống kê toán học		30	2			30					
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1ĐC101GHQY	30	2					30			
13	Quản lý hành chính nhà nước		30	2			30					
14	Pháp luật đại cương		30	2	30							
B. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH												
	I. Bắt buộc											
1	Tâm lý học Thể dục thể thao	1TL101GHQY	30	2					30			
2	Giáo dục học Thể dục thể thao	1TL201GHQY	30	2						30		

TT	Môn học	Mã HP tiên quyết	Số giờ	Số TC	Số giờ trong học kỳ							
					HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
3	Sinh lý Thể dục thể thao 1		30	2			30					
4	Sinh lý Thể dục thể thao 2	1YS03GHQY	30	2				30				
5	Y học Thể dục thể thao	1YS04GHQY	45	3							45	
6	Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh		60	2	60							
7	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục		60	2		60						
8	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội		60	2			60					
9	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất1		30	2					30			
10	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 2	1LL001GQY	30	2						30		
11	Đo lường Thể thao	1ĐC101GHQY	30	2				30				
12	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf		45	2					45			
	II.Tự chọn 1 (6/20 tín chỉ)											
13	<i>Lịch sử Thể dục thể thao</i>		30	2								
14	Giải phẫu Thể dục thể thao		30	2		30						
15	Vệ sinh Thể dục thể thao		30	2	30							
16	Tâm lý học quản lý	1TL101GHQY	30	2							30	
17	<i>Hồi phục Thể thao</i>		30	2								
18	<i>Dinh dưỡng Thể thao</i>		30	2								
19	<i>Sinh hóa Thể dục thể thao</i>	1YS03GHQY	30	2								

TT	Môn học	Mã HP tiên quyết	Số giờ	Số TC	Số giờ trong học kỳ							
					HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
20	<i>Sinh cơ Thể dục thể thao</i>	1YS03GHQY	30	2								
21	<i>Khởi nghiệp - sáng tạo</i>		30	2								
22	<i>Văn hóa thể thao</i>		30	2								
	III.Tự chọn 2 (10/30 tín chỉ)											
23	<i>Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn</i>		45	2								
24	<i>Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném</i>		45	2								
25	<i>Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ</i>		45	2						45		
26	<i>Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá</i>		45	2					45			
27	<i>Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền</i>		45	2				45				
28	<i>Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ</i>		45	2						45		
29	<i>Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt</i>		45	2					45			
30	<i>Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông</i>		45	2								
31	<i>Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua</i>		45	2								
32	<i>Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo</i>		45	2								
33	<i>Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng</i>		45	2								
34	<i>Lý luận và phương pháp giảng dạy Cử tạ</i>		45	2								
35	<i>Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật</i>		45	2								

TT	Môn học	Mã HP tiên quyết	Số giờ	Số TC	Số giờ trong học kỳ							
					HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
36	Lý luận và phương pháp giảng dạy Đá cầu		45	2								
37	Lý luận và phương pháp giảng dạy Trò chơi vận động		45	2								
C. KIẾN THỨC NGÀNH												
	I. Bắt buộc											
1	Kế hoạch hóa Thể dục thể thao		30	2	30							
2	Khoa học quản lý		60	4	60							
3	Xã hội học Thể dục thể thao 1	1QL011Q	30	2						30		
4	Xã hội học Thể dục thể thao 2	1QL012Q	30	2							30	
5	Kinh tế học Thể dục thể thao 1		30	2			30					
6	Kinh tế học Thể dục thể thao 2	1QL014Q	30	2				30				
7	Marketing Thể thao	1QL014Q/ 1QL015Q	45	3							45	
8	Quản lý truyền thông Thể thao		45	3				45				
9	Tổ chức quản lý thi đấu thể thao	1QL010Q	45	3						45		
10	Du lịch thể thao		45	3								45
11	Quản lý Thể dục thể thao giải trí 1	1QL011Q	45	3			45					
12	Quản lý Thể dục thể thao giải trí 2	1QL020Q	45	3				45				
	II. Tự chọn (6/20 tín chỉ)											
13	Pháp lý Thể dục thể thao	1QL001GHQY	30	2								
14	Quản lý TTTT cao	1QL011Q	30	2						30		
15	Văn bản lưu trữ	1QL001GHQY	30	2								30
16	Quản lý TDTT quần chúng	1QL011Q	30	2			30					

TT	Môn học	Mã HP tiên quyết	Số giờ	Số TC	Số giờ trong học kỳ							
					HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
17	<i>Đường lối TDTT của Đảng cộng sản Việt Nam</i>		30	2								
18	<i>Tin học trong quản lý</i>		30	2								
19	<i>Toán kinh tế</i>		30	2								
20	<i>Quản trị thương hiệu</i>		30	2								
21	<i>Đàm phán và giao tiếp</i>		30	2								
22	<i>Quản lý sân bãi, công trình TDTT</i>		30	2								
D. THỰC TẬP NGHIỆP VỤ VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP												
1	Thực tập nghiệp vụ lần 1		135	3					135			
2	Thực tập nghiệp vụ lần 2	1TT001	225	5							225	
3	Khóa luận tốt nghiệp		270	6								270
	Học phần chuyên môn thay thế:											
1	<i>Quản lý hoạt động thể dục thể thao xã hội</i>		135	3								135
2	<i>Khoa học quản lý</i>		135	3								135

4. Mô tả tóm tắt các học phần

4.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

1. Triết học Mác - Lênin (3 tín chỉ)

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó sinh viên có được kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 tín chỉ)

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin nằm trong khối kiến thức của các môn Lý luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần bao gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hoá, thị trường và vai trò của chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy logic, phương pháp suy luận đồng thời trang bị kiến thức cơ sở quan trọng giúp sinh viên học tốt các học phần chuyên ngành sau này.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học nằm trong khối kiến thức của các môn Lý luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ. Học phần bao gồm các nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học

nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

6. Ngoại ngữ 1 (3 tín chỉ):

Tiếng Anh: Học phần 1- môn tiếng Anh là môn học bắt buộc dành cho sinh viên khoa QLTT của Trường ĐHTDTT Bắc Ninh, sinh viên được học trong 45 tiết gồm 3 tín chỉ và tương đương với 3 bài kiểm tra học trình (có thể là kiểm tra nói hoặc viết), khi kết thúc sinh viên phải thi vấn đáp theo các đề tài đã được chuẩn bị trước (khoảng 4-5 đề tài) về các nội dung được học trong 4 bài theo giáo trình New English File (Elementary) ở cả phần Sách học sinh và phần sách bài tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Thông qua 4 bài được học, sinh viên sẽ nắm bắt các vấn đề ngữ pháp như: thì hiện tại thường của các động từ thường và động từ “to be”, cách dùng can/ can’t, đại từ nhân xưng, tính từ sở hữu, tính từ thông thường, số đếm, tên nước, tên quốc tịch, danh từ số ít và số nhiều, trạng từ chỉ tần suất, thán từ (quán từ a/an/ the)...và luyện các kỹ năng nói, nghe, đọc, viết ở ngưỡng cơ bản.

Tiếng Trung: Môn tiếng Trung Quốc là môn học bắt buộc dành cho sinh viên các khóa của Trường ĐHTDTT Bắc Ninh, sinh viên được học trong 45 tiết gồm 3 tín chỉ và tương đương với 3 bài kiểm tra học trình (có thể là kiểm tra nói hoặc viết), khi kết thúc sinh viên phải thi vấn đáp thông qua các đề thi về phần âm tiết (Thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu...) hoặc theo các chủ đề đã được chuẩn bị trước từ 5 - 10 câu (khoảng 4-5 chủ đề) về một số chủ đề quen thuộc, đơn giản như: bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè,... thông qua sử dụng các từ và cụm từ đã học dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Môn học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ cơ bản, giúp học sinh bước đầu có khả năng giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc một cách tương đối độc lập trong những tình huống giao tiếp cơ bản của cuộc sống thường nhật, tạo hứng thú và hình thành thói quen học tập ngoại ngữ suốt đời, góp phần hình thành năng lực định hướng nghề nghiệp.

7. Ngoại ngữ 2 (3 tín chỉ):

Tiếng Anh: Môn tiếng Anh là môn học bắt buộc dành cho sinh viên khoa QLTT của Trường ĐHTDTT Bắc Ninh, sinh viên được học trong 45 tiết gồm 3 tín chỉ và tương đương với 3 bài kiểm tra học trình (có thể là kiểm tra nói hoặc viết), khi kết thúc sinh viên phải thi vấn đáp theo các đề tài đã được chuẩn bị trước (khoảng 4-5 đề tài) về các nội dung được học trong 5 bài theo giáo trình New English File (Elementary) ở cả phần Sách học sinh và phần sách bài tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Thông qua 5 bài được học, sinh viên sẽ nắm bắt các vấn đề ngữ pháp như: thì quá khứ đơn, hiện tại tiếp

diễn, hiện tại hoàn thành, các giới từ chỉ vị trí, danh từ đếm được, không đếm được, tính từ so sánh hơn, hơn nhất. và luyện các kỹ năng nói, nghe, đọc, viết ở ngưỡng cơ bản (Elementary).

Tiếng Trung: Môn tiếng Trung Quốc là môn học bắt buộc dành cho sinh viên năm thứ nhất khoa QLTDĐT của Trường ĐHTDĐT Bắc Ninh, học phần II phần tương đương với 45 tiết và 3 bài kiểm tra học trình (có thể là kiểm tra nói hoặc viết), ở học phần II này sinh viên ôn tập củng cố lại hệ thống ngữ âm đã được học ở học phần I, bước đầu sử dụng các cấu trúc ngữ pháp cơ bản và đơn giản. Khi kết thúc sinh viên phải thi vấn đáp theo các đề tài đã được chuẩn bị trước (khoảng 4-5 đề tài) về một số chủ đề quen thuộc, đơn giản như: bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè,... thông qua sử dụng các từ và cụm từ đã học dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Môn học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ cơ bản, giúp học sinh bước đầu có khả năng giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc một cách tương đối độc lập trong những tình huống giao tiếp cơ bản của cuộc sống thường nhật, tạo hứng thú và hình thành thói quen học tập ngoại ngữ suốt đời, góp phần hình thành năng lực định hướng nghề nghiệp.

8. Tin học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương trang bị cho sinh viên một số kiến thức khái quát về công nghệ thông tin, sự phát triển của công nghệ thông tin, những ứng dụng của công nghệ thông tin trong đời sống xã hội, các kiến thức về soạn thảo văn bản, xử lý số liệu, xây dựng bài thuyết trình và tìm kiếm, trao đổi thông tin trên mạng Internet. Thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng sử dụng máy tính phục vụ công việc học tập và nghiên cứu khoa học, là công cụ hỗ trợ cho việc học các môn học tiếp theo của chương trình và chuẩn bị những kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin khi ra trường, đáp ứng những yêu cầu của nhà tuyển dụng trong thời đại công nghệ thông tin.

9. Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của tâm lý học, về những cơ sở tự nhiên và xã hội của hoạt động tâm lý, giúp sinh viên nắm được bản chất của sự hình thành tâm lý, ý thức của con người. Học phần còn giới thiệu quy luật của các hoạt động nhận thức và vai trò của nhận thức đối với sự phát triển tâm lý - ý thức của nhân cách. Qua đó giúp sinh viên nắm được đặc điểm, bản chất về cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách và sự hình thành và phát triển nhân cách làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy và giáo dục trong quá trình sư phạm

10. Giáo dục học đại cương (2 tín chỉ)

Giáo dục học đại cương là ngành khoa học xã hội, nghiên cứu về bản chất và các quy luật của hoạt động giáo dục của con người. Nó là cơ sở để nghiên cứu các ngành Giáo dục học chuyên ngành như Giáo dục học TDĐT. Trong chương trình đào tạo trình độ đại học của ngành Quản lý TDĐT, Giáo dục học đại cương nằm trong nhóm các học phần đại cương. Giáo dục học đại cương là học phần mở đầu việc học tập và nghiên cứu của sinh viên về những kiến thức giáo dục học nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các khái niệm, phạm trù giáo dục; về xu thế đổi mới trong giáo dục ở trong và ngoài nước; về mục đích, trách nhiệm giáo dục; các con đường giáo dục và công tác quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới.

11. Thống kê toán học (2 tín chỉ)

Thống kê toán học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Cách trình bày số liệu: Giúp sinh viên biết cách thu thập, thu gọn số liệu phục vụ cho các bài toán tiếp

theo. Các công thức về các tham số đặc trưng: trung bình cộng, phương sai, độ lệch chuẩn. Bài toán ước lượng trung bình cộng: giải quyết bài toán tìm khoảng tin cậy cho trung bình cộng trong hai trường hợp mẫu lớn và mẫu bé. Bài toán so sánh hai số trung bình, hai phương sai, hai tỷ lệ: giải quyết các bài toán liên quan đến so sánh hai trung bình; so sánh hai phương sai; so sánh hai tỷ lệ bằng test t hoặc test Khi bình phương. Bài toán hệ số tương quan, phương trình hồi quy: giải quyết bài toán tính mối tương quan giữa hai đặc tính; tìm mối liên hệ giữa các đại lượng thông qua phương trình hồi quy...

Thống kê toán học là một môn học chính thức, quan trọng không thể thiếu đối với hệ đại học chính quy.

12. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần Phương pháp NCKH được coi là một trong những học phần bắt buộc đối với sinh viên các trường đại học TĐTT. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp NCKH TĐTT; giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về công tác NCKH nói chung và NCKH TĐTT nói riêng, bước đầu biết cách sử dụng các phương pháp NCKH TĐTT để thu thập và xử lý thông tin thu được từ đó giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra. Từ những kiến thức đã học, sinh viên biết tiến hành nghiên cứu đề tài khoa học dưới sự hướng dẫn của giáo viên chỉ đạo dưới hình thức đề tài cá nhân hay đề tài nhóm. Qua đó hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức của NCKH TĐTT vào thực tiễn tập luyện, giảng dạy nhằm nâng cao thành tích chuyên môn.

13. Quản lý hành chính nhà nước (2 tín chỉ)

Quản lý hành chính nhà nước là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo bậc đại học. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành và một số lĩnh vực ở Việt Nam. Nội dung chính của học phần gồm những vấn đề như cách thức tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam; tính chất, nguyên tắc, chức năng, quy trình quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính đối với một số lĩnh vực cơ bản.

14. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo bậc đại học. Đây là môn học thuộc khối kiến thức đại cương của chương trình đào tạo cử nhân TĐTT, sau 30 tiết học môn học Pháp luật đại cương sẽ nghiên cứu hiện tượng nhà nước và pháp luật dưới góc độ tổng quát có tính căn bản nhất. Pháp luật đại cương nghiên cứu những vấn đề chung nhất như bản chất, hình thức, chức năng, vai trò xã hội của nhà nước; khái niệm pháp luật, các thuộc tính, chức năng của pháp luật, pháp chế... đồng thời, nghiên cứu một cách rất khái quát về hệ thống các ngành luật.

4.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

4.2.1. Các học phần bắt buộc

1. Tâm lý học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Tâm lý học thể dục thể thao là một chuyên ngành của Tâm lý học nghiên cứu các quy luật và hiện tượng tâm lý của con người trong hoạt động thể dục thể thao. Trong chương trình đào tạo trình độ đại học của ngành QLTT, học phần TLHTTT được chia thành 10 chương, trong đó từ Chương 1 đến Chương 5 là các vấn đề chung của Tâm lý học TĐTT; từ Chương 6 đến Chương 10 trình bày các vấn đề về cơ sở tâm lý của hoạt động giảng dạy, huấn luyện thể thao. Cụ thể Chương 6 nói về cơ sở tâm lý học của hoạt

động giảng dạy huấn luyện kỹ thuật động tác, Chương 7 nói về cơ sở tâm lý học của hoạt động huấn luyện thể lực, Chương 8 nói về cơ sở tâm lý học của hoạt động huấn luyện chiến thuật, Chương 9 nói về nhân cách người Huấn luyện viên thể thao và Chương 10 trình bày các vấn đề về huấn luyện tâm lý trong thể thao.

2. Giáo dục học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần Giáo dục học TDTT dành cho sinh viên đại học hệ chính quy được biên soạn thành 10 chương với nội dung chính như sau: Chương 1 đến Chương 2 trình bày những kiến thức tổng quan về chuyên ngành khoa học giáo dục học TDTT như đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của Giáo dục học TDTT, sơ lược lịch sử phát triển của Giáo dục học TDTT, hệ thống khái niệm cơ bản, cấu trúc của quá trình sư phạm TDTT. Chương 3 đến Chương 6, trình bày những vấn đề cơ bản về lý luận dạy học TDTT như khái niệm, bản chất, quy luật, các nguyên tắc trong dạy học TDTT; phương pháp dạy học TDTT, các vấn đề về công tác kiểm tra- đánh giá trong dạy học TDTT. Chương 7 đến Chương 10, nghiên cứu những vấn đề cơ bản về lý luận giáo dục nhân cách vận động viên thể thao như nhiệm vụ, nội dung giáo dục VĐV thể thao và các con đường để thực hiện các nhiệm vụ, nội dung đó; phương pháp, hình thức giáo dục VĐV thể thao; nghiên cứu quá trình tự giáo dục của VĐV thể thao.

3. Sinh lý Thể dục thể thao 1 (2 tín chỉ)

Nội dung môn học Sinh lý TDTT Học phần 1 trang bị cho sinh viên hiểu được thành phần chức năng và các hệ thống đệm của máu. Sinh viên hiểu được cấu trúc giải phẫu chức năng của các hệ cơ quan Tuần hoàn, Hô hấp, bài tiết, Thần kinh, Nội tiết ... và mối liên quan các hệ này đến quá trình chuyển hóa trao đổi chất cung cấp Oxy, chất dinh dưỡng năng lượng và điều hòa trong quá trình hoạt động TDTT.

4. Sinh lý Thể dục thể thao 2 (2 tín chỉ)

Nội dung môn học Sinh lý TDTT 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc tính sinh lý các bài tập thể thao, biến đổi các chỉ số sinh lý của cơ thể khi tham gia các bài tập thuộc các vùng công suất khác nhau. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở sinh lý và các phương pháp phát triển các tổ chất vận động; về cơ sở hình thành kỹ năng vận động; về đặc điểm các trạng thái sinh lý của cơ thể xuất hiện trong các hoạt động thể thao khác nhau. Bên cạnh đó, thông qua môn học này sinh viên ngành Giáo dục thể chất và Quản lý thể dục thể thao còn được tìm hiểu sâu hơn về đặc điểm sinh lý của thanh thiếu niên trong tập luyện TDTT và đặc điểm sinh lý của người cao tuổi và phụ nữ trong tập luyện TDTT. Từ đó, giúp sinh viên có cơ sở khoa học trong ứng dụng các kiến thức lý thuyết vào thực tế tổ chức hướng dẫn tập luyện cho các đối tượng khác nhau nhằm nâng cao sức khỏe cho mọi người.

5. Y học Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Y học TDTT là môn khoa học thực hành nằm trong hệ thống các môn Y sinh học thể dục thể thao được giảng dạy trong các trường đại học thể dục thể thao. Trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý TDTT của Trường ĐH TDTT Bắc Ninh Y học TDTT là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về y học TDTT bao gồm: kiểm tra y học TDTT, chấn thương và các bệnh lý thường gặp trong hoạt động thể dục thể thao, các trường hợp cấp cứu, phương pháp phòng ngừa và xử lý một số trường hợp cấp cứu thường gặp.

6. Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh (2 tín chỉ)

Điền kinh là một môn thể thao có lịch sử lâu đời, được ưa chuộng và phổ cập rộng rãi trên thế giới. Với nội dung phong phú và đa dạng, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong các bài tập nhằm phát triển thể lực toàn diện. Trong các trường Đại học và Cao đẳng thể dục thể thao, Điền kinh là một môn khoa học được trang bị đầy đủ cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn về các phương pháp giảng dạy, huấn luyện. Giúp cho Sinh viên nắm chắc được về các phương pháp giảng dạy, huấn luyện; nguyên lý kỹ thuật; luật thi đấu, phương pháp tổ chức trọng tài và kỹ năng thực hành của một số nội dung cơ bản của môn học Điền kinh như: chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, chạy tiếp sức, nhảy xa uốn thân, nhảy cao úp bụng, ném bóng, đẩy tạ lưng hướng ném. Ngoài ra học phần cũng sẽ trang bị thêm một phần về nguyên tắc huấn luyện, hướng dẫn biên soạn các bài tập thể lực, bài tập bổ trợ cho các nội dung được học.

7. Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục (2 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Thể dục là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không, bài tập phát triển chung với dụng cụ. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.

8. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội (2 tín chỉ)

Bơi là môn thể thao rất phát triển trên thế giới, tập luyện bơi giúp con người nâng cao sức khỏe một cách toàn diện, là kỹ năng quan trọng và phương tiện hữu hiệu giúp con người trong lao động sản xuất, chiến đấu bảo vệ tổ quốc, phòng chống thiên tai bão lũ, chống đuối nước, chữa một số bệnh và hồi phục sức khỏe ... Với nhiều lợi ích, tác dụng thiết thực và cần thiết cho cuộc sống nên hiện nay đã có một số trường học ở các cấp đưa môn bơi vào chương trình giảng dạy chính khóa cho học sinh, sinh viên.

Bơi là môn học bắt buộc đối với tất cả các ngành học trong chương trình đào tạo của trường Đại học TĐTT Bắc Ninh. Trong giảng dạy bơi thể thao thì bơi ếch là kiểu bơi dễ học nhất. Nó là kiểu bơi thường được giảng dạy cho tất cả các đối tượng học bơi ban đầu. Ngoài ra kiểu bơi ếch còn có ý nghĩa thực dụng rất lớn trong đời sống lao động, chiến đấu, cứu đuối.v.v...

9. Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ)

Lý luận và phương pháp GDTC là môn khoa học về các quy luật và cơ sở phương pháp chung nhất trong lĩnh vực TĐTT. Nó chiếm vị trí ưu thế trong hệ thống kiến thức chuyên ngành TĐTT, có vai trò quan trọng trong đào tạo giáo viên GDTC các cấp. Lý luận và phương pháp GDTC có vai trò quan trọng, trang bị những tri thức cơ bản giúp cho sinh viên có những hiểu biết về bản chất các khái niệm, phương tiện, phương pháp và những nguyên tắc trong lĩnh vực TĐTT nói chung và giáo dục thể chất nói riêng. Đó cũng là những tri thức nền tảng để họ tiếp thu tốt nội dung tri thức trong nhà trường.

10. Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất 2 (2 tín chỉ)

Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 2 là môn khoa học về các quy luật và cơ sở phương pháp chung nhất trong lĩnh vực giáo dục thể chất. Nó chiếm vị trí ưu thế trong hệ thống kiến thức chuyên ngành TĐTT. Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất

có vai trò quan trọng, trang bị những tri thức chuyên ngành giúp sinh viên biết vận dụng các phương tiện, phương pháp, nguyên tắc... vào thực tiễn công tác giáo dục thể chất một cách khoa học. Đó cũng là những tri thức không thể thiếu trong đào tạo cán bộ TDTT.

11. Đo lường Thể thao (2 tín chỉ)

Cung cấp các kiến thức cơ bản, hiện đại về đo lường giúp sinh viên nắm được các vấn đề về lý luận và thực tiễn trong đo lường, đánh giá các hoạt động thể dục thể thao,...qua đó ứng dụng trong quá trình giảng dạy, huấn luyện và nghiên cứu khoa học TDTT

12. Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf (2 tín chỉ)

Học phần Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf, là học phần duy nhất dành cho đào tạo sinh viên không chuyên Golf trình độ đại học của ngành Huấn luyện thể thao, Giáo dục thể chất, Quản lý và Y học. Là loại học phần bắt buộc cho sinh viên không chuyên Golf, là một học phần nguyên vẹn với tổng số thời gian thực hiện học phần là 45 giờ, tương đương 2 tín chỉ. Học phần giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật của môn Golf; trang bị những kỹ năng thực hành kỹ thuật động tác đánh Golf trong quá trình học tập của sinh viên; trang bị cho sinh viên sơ bộ về kiến thức luật của môn Golf; giúp sinh viên có khả năng nắm bắt kỹ thuật cơ bản của Golf. Nhằm cho sinh viên nắm bắt được một cách tổng hợp cơ bản bước đầu tri thức của môn Golf.

4.2.2. Các học phần tự chọn 1

13. Lịch sử Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Trong chương trình đào tạo trình độ đại học của ngành Quản lý TDTT, học phần Lịch sử TDTT nằm trong nhóm các học phần kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Lịch sử TDTT, là một trong những môn học thuộc khoa học xã hội. Là một bộ phận của khoa học lịch sử và một phần quan trọng nhằm trang bị những kiến thức khoa học trong lĩnh vực TDTT.

14. Giải phẫu Thể dục thể thao (2 tín chỉ):

Giải phẫu học là môn học khoa học nghiên cứu về hình thái bên ngoài và cấu tạo bên trong của cơ thể con người. Nghiên cứu cấu trúc từng cơ quan và mối liên quan giữa giải phẫu và chức năng của cơ quan, bộ phận đó.

Môn học Giải phẫu TDTT được giảng dạy theo các hệ cơ quan trong cơ thể như: hệ vận động, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ thần kinh ... Môn học được chia làm hai tín chỉ, trong đó tín chỉ 1 giới thiệu về hệ vận động: đây là bộ phận kiến thức cần thiết nhất cho việc phân tích kỹ thuật bài tập thể chất cũng như cho việc tiếp thu các kiến thức các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành. Tín chỉ 2 giới thiệu về hệ nội tạng: hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ thần kinh: học phần này giúp cho sinh viên hiểu được hình thái, cấu tạo của các cơ quan bên trong cơ thể và đây là bộ phận kiến thức cần thiết để sinh viên tiếp thu các kiến thức môn sinh lý học, sinh hóa học, tâm lý học, vệ sinh học, y học TDTT v.v...

15. Vệ sinh Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Vệ sinh TDTT là môn khoa học y học thực hành nằm trong hệ thống các môn y sinh học thể dục thể thao được giảng dạy trong Trường đại học thể dục thể thao. Vệ sinh thể dục thể thao là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, xã hội đối với sức khỏe và năng lực vận động của con

người, trên cơ sở đó đề xuất các yêu cầu và xây dựng các chế độ vệ sinh với những tiêu chuẩn và biện pháp cụ thể nhằm tăng cường sức khỏe, nâng cao khả năng hoạt động thể lực và thành tích thể thao, đề phòng bệnh tật, chấn thương trong tập luyện.

16. Tâm lý học quản lý (2 tín chỉ)

Tâm lý học quản lý là một chuyên ngành khoa học tâm lý, nghiên cứu về các đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo, quản lý, những người bị lãnh đạo quản lý và các tổ chức xã hội, cũng như các mối quan hệ giữa người lãnh đạo, quản lý và người bị lãnh đạo quản lý. Môn học gồm bảy chương chia làm ba phần. Phần một là Những vấn đề chung, gồm chương 1 và chương 2. Chương 1 tìm hiểu về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học quản lý. Chương 2 tìm hiểu về Đặc điểm và cấu trúc của hoạt động quản lý. Phần 2 Tâm lý người lãnh đạo, quản lý. Gồm chương 3, chương 4 và chương 5. Chương 3 nghiên cứu về đặc điểm tâm lý người lãnh đạo, quản lý. Chương 4 nghiên cứu về ekip người lãnh đạo. Chương 5 nghiên cứu về Phong cách và uy tín của người lãnh đạo. Phần 3 là Một số vấn đề về cá nhân và tập thể người lãnh đạo trong quản lý. Gồm chương 6 và chương 7. Chương 6 nói về Cá nhân và tập thể người lao động trong quản lý. Chương 7 là Một số vấn đề tâm lý học giao tiếp ứng dụng trong quản lý.

17. Hồi phục thể thao (2 tín chỉ):

Hồi phục thể thao là môn khoa học thực hành nằm trong hệ thống các môn Y sinh học thể dục thể thao được giảng dạy trong các trường đại học thể dục thể thao. Trong chương trình đào tạo cử nhân ngành QLTDĐT Hồi phục thể thao là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hồi phục thể thao bao gồm: đặc điểm mệt mỏi và quy luật hồi phục trong các loại hình tập luyện khác nhau; phương pháp chẩn đoán mệt mỏi, cách thức tiến hành và nguyên tắc sử dụng các phương tiện hồi phục thể thao, từ đó sinh viên biết cách vận dụng vào thực tế tập luyện và thi đấu TDĐT, chăm sóc sức khỏe vận động viên và đời sống hàng ngày.

18. Dinh dưỡng Thể thao (2 tín chỉ)

Dinh dưỡng thể thao là một môn khoa học ứng dụng nằm trong hệ thống các môn Y sinh học TDĐT, được giảng dạy cho sinh viên ngành Huấn luyện thể thao của Trường đại học TDĐT Bắc Ninh. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về dinh dưỡng, chế độ dinh dưỡng cho vận động viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng, áp dụng chế độ dinh dưỡng vào tập luyện, thi đấu và hồi phục để đạt thành tích cao. Sau khi hoàn thành chương trình sinh viên có đủ năng lực vận dụng những kiến thức dinh dưỡng vào công tác chăm sóc sức khỏe VĐV và nghiên cứu khoa học TDĐT, nâng cao thành tích thể thao. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức căn bản về nhu cầu năng lượng và khẩu phần dinh dưỡng của vận động viên thể thao, góp phần giúp vận động viên có khả năng phát triển kiến thức để tự thiết kế khẩu phần dinh dưỡng hợp lý cho bản thân mình, cho vận động viên các môn thể thao ở các lứa tuổi khác nhau. Sử dụng thực phẩm một cách khoa học đáp ứng yêu cầu của huấn luyện hiện đại trong đó vận động viên hiểu biết về “thực đơn dinh dưỡng” của mình.

19. Sinh hóa Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Sinh hóa thể dục thể thao là môn học nằm trong hệ thống các môn khoa học cơ sở của thể dục thể thao, thuộc lĩnh vực y sinh học giảng dạy cho sinh viên ngành QLTDĐT. Sinh hóa thể dục thể thao là môn khoa học sử dụng tổng hợp kiến thức của hóa

học và sinh học để nghiên cứu về sự biến đổi của các hợp chất hóa học hữu cơ trong cơ thể để cung cấp năng lượng cho cơ thể hoạt động, nhất là những hoạt động vận động của con người. Sinh hóa thể dục thể thao cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo hóa học, sự chuyển hóa các chất và năng lượng trong cơ thể khi hoạt động thể dục thể thao.

20. Sinh cơ Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Sinh cơ học TDTT là một môn khoa học ứng dụng nằm trong hệ thống các môn y sinh học TDTT, là môn khoa học cơ sở ngành của TDTT, được giảng dạy cho các chuyên ngành đào tạo của Trường Đại học TDTT. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy luật chuyển động cơ học của cơ thể trong quá trình thực hiện kỹ chiến thuật động tác. Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có đủ năng lực vận dụng những kiến thức sinh cơ vào thực tiễn tập luyện, giảng dạy, thi đấu và huấn luyện thể thao. Đồng thời hình thành trong sinh viên niềm tin, tình cảm, lòng yêu nghề... đáp ứng yêu cầu xã hội.

21. Khởi nghiệp - sáng tạo(2 tín chỉ)

Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, và một số vấn đề liên quan đến việc vận hành một doanh nghiệp. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh. Bên cạnh đó, sinh viên có cơ hội được thực hành xây dựng kế hoạch kinh doanh giả định, tham dự các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt hoặc và tiếp cận các hoạt động thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp từ nhà trường.

22. Văn hóa thể thao (2 tín chỉ)

Học phần Văn hóa thể thao được biên soạn thành 4 chương với nội dung chính như sau: Chương 1: Trình bày những kiến thức tổng quan về văn hóa và văn hóa thể thao như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, các yếu tố tác động...làm cơ sở để nghiên cứu các chương tiếp theo; Chương 2: Ở chương này chủ yếu trình bày những yếu tố cấu thành nên văn hóa thể thao đó là triết lý thể thao, luật lệ thể thao, đạo đức thể thao và những biểu hiện của văn hóa thể thao trong đó có bao gồm nhân cách văn hóa của các chủ thể trong hoạt động thể thao và văn hóa thể thao trong các hoạt động cụ thể; Chương 3. Phác thảo những nét đặc trưng cơ bản về Văn hóa thể thao quốc tế và văn hóa thể thao Việt Nam; Chương 4. Xác định những vấn đề lý luận cơ bản về giáo dục văn hóa thể thao cho vận động viên thể thao. Nội dung của 4 chương trên được thể hiện bằng các hình thức diễn giải, phân tích kết hợp với một số hình ảnh minh họa. Cuối mỗi chương đều có phần tóm lược và câu hỏi ôn tập nhằm giúp người học củng cố lại và phát triển các kiến thức đã học.

4.2.3. Các học phần tự chọn 2

23. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn (2 tín chỉ)

Học phần kỹ thuật bóng bàn, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức ban đầu về môn bóng bàn, nguyên lý chung khi đánh bóng và giới thiệu các kỹ thuật cơ bản. Phần thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản, có khả năng giúp người khác tập luyện môn bóng bàn.

24. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném (2 tín chỉ)

Học phần Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném, là học phần duy nhất dành cho đào tạo sinh viên không chuyên Bóng ném trình độ đại học của ngành Huấn luyện thể thao, Giáo dục thể chất. Là loại học phần bắt buộc cho sinh viên không chuyên Bóng ném, là một học phần nguyên vẹn với tổng số thời gian thực hiện học phần là 45 giờ, tương đương 2 tín chỉ. Học phần giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành kỹ chiến thuật của môn Bóng ném; trang bị cho sinh viên sơ bộ về kiến thức luật của môn Bóng ném, giúp sinh viên có khả năng nắm bắt kỹ thuật cơ bản của Bóng ném. Nhằm cho sinh viên nắm bắt được một cách tổng hợp cơ bản bước đầu tri thức của môn Bóng ném.

25. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ (2 tín chỉ)

Trang bị cho người học kiến thức cơ bản trong môn Bóng rổ. Giúp người học nắm được một số điều luật trong tập luyện, có các kỹ năng trong việc thực hành các kỹ thuật cơ bản. Người học có thể làm hướng dẫn viên Bóng rổ cho người mới tập luyện.

26. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

27. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn bóng chuyền và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật về phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài bóng chuyền. Hình thành các động tác kỹ thuật cơ bản chơi bóng chuyền. Phát triển năng lực vận động; biết vận dụng hiểu biết, kỹ thuật động tác vào thi đấu với các loại hình chiến thuật khác nhau. Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. Biết hướng dẫn luyện tập và biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

28. Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên có đủ khả năng thực hành các phương pháp chuyên môn trong giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng vận động quần chúng và chỉ đạo, tổ chức xây dựng phong trào cơ sở.

29. Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên một số kiến thức lý luận như: Lịch sử phát triển môn quần vợt trên thế giới và ở Việt Nam, luật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Quần vợt, một số kỹ thuật cơ bản quan trọng của môn học, đồng thời phát triển thể lực chuyên môn. Bồi dưỡng kỹ năng cơ bản môn Quần vợt để sinh viên có thể hướng dẫn lại các kỹ thuật Quần vợt cho người tập ở cơ sở khi ra trường.

30. Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành của môn Cầu lông. Về lý thuyết gồm: Luật Cầu lông; Phương pháp tổ chức thi đấu Cầu lông;

Phương pháp trọng tài Cầu lông. Về thực hành: Có khả năng thực hiện đúng một số kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông; Có khả năng thực hiện tốt các yêu cầu của các bài tập phát triển các tố chất thể lực chuyên môn Cầu lông; Vận dụng những kỹ thuật đã học để tự tập luyện; Có khả năng làm trọng tài thi đấu môn Cầu lông và có khả năng giảng dạy kỹ thuật Cầu lông cho đối tượng mới tập.

31. Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua (2 tín chỉ)

Học phần này dành cho đối tượng sinh viên không chuyên ngành Cờ Vua trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh là một học phần nguyên vẹn với tổng số thời gian thực hiện học phần là 02 tín chỉ. Môn học Cờ Vua sẽ được tổ chức giảng dạy theo các hình thức: Giờ học lý thuyết kết hợp với tập luyện, giờ thảo luận hoặc phương pháp.

32. Lý luận và phương pháp giảng dạy âm nhạc vũ đạo (2 tín chỉ)

Âm nhạc - Vũ đạo (ANVĐ) là môn học trang bị cho sinh viên kiến thức dạy học vận động đặc thù trong lĩnh vực múa và thực hành kỹ năng vũ đạo khiêu vũ. Cấu trúc chương trình môn học cần thiết trong đời sống cho tất cả các ngành học trong chương trình đào tạo của nhà trường, góp phần hoàn thiện tư duy, phẩm chất đạo đức, ý chí, kỹ năng vận động và phát huy khả năng sáng tạo cho người tập. Là môn học tạo tiền đề cơ bản để sinh viên tiếp thu các môn học thực hành khác trong nhà trường, qua đó cơ bản hình thành vốn kỹ năng thực hành nghề nghiệp, khả năng phân tích, cảm thụ và biên đạo tác phẩm múa sân khấu, khiêu vũ giao tiếp để sinh viên khi ra trường đáp ứng thực tiễn đòi hỏi nhu cầu xã hội.

33. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng (2 tín chỉ)

Là học phần thứ 1 nằm trong chương trình đào tạo chính quy sinh viên không chuyên sâu bắn súng ngành QL TDTT. Học phần này giúp sinh viên nắm được ý nghĩa, tác dụng môn bắn súng thể thao, lịch sử môn bắn súng thể thao Việt Nam và thế giới, giúp sinh viên hình thành những khái niệm cơ bản và lý luận, luật, phương pháp tổ chức thi đấu, kiểm tra trọng tài môn súng trường hơi và các kỹ năng tập luyện, huấn luyện cơ bản môn súng trường hơi. Có thể làm được cộng tác viên, hướng dẫn viên bắn súng môn súng trường hơi.

34. Lý luận và phương pháp giảng dạy Cử tạ (2 tín chỉ)

Học phần này giúp trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cử giật, Cử đẩy trong môn Cử tạ. Đồng thời tăng cường thể lực (sức nhanh, sức mạnh, khả năng phối hợp vận động) nhằm đáp ứng thể lực cho các môn học thực hành khác trong học kỳ. Chương trình đòi hỏi người học nắm vững kiến thức, có kỹ năng về thực hành môn Cử tạ, ngoài ra còn phải biết vận dụng những kiến thức đó vào thực tiễn trong công tác giảng dạy và huấn luyện.

35. Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành của môn Vật tự do. Lý thuyết, gồm: Vật tự do; Phương pháp tổ chức thi đấu Vật tự do; Phương pháp trọng tài Vật tự do. Thực hành: Có khả năng thực hiện đúng một số kỹ thuật cơ bản của môn Vật tự do; Có khả năng thực hiện tốt các yêu cầu của các bài tập phát triển các tố chất thể lực chuyên môn Vật tự do; Vận dụng những kỹ thuật đã học để tự tập luyện; Có khả năng làm trọng tài thi đấu môn Vật tự do và có khả năng giảng dạy kỹ thuật Vật tự do cho đối tượng mới tập.

36. Lý luận và phương pháp giảng dạy Đá cầu (2 tín chỉ)

Học phần môn Đá cầu (Kiến thức cơ bản về môn Đá cầu) là nội dung trong chương trình đào tạo của trường Đại học TDTT Bắc Ninh dành cho sinh viên ngành Quản lý TDTT. Trang bị những kiến thức cơ bản ban đầu và lý thuyết môn Đá cầu như lịch sử môn học, các trang thiết bị sử dụng trong môn học... đồng thời trang bị đạo đức con người mới XHCN. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm được những vấn đề cơ bản nhất về môn Đá cầu như: Lịch sử, kỹ thuật cơ bản, luật thi đấu.

37. Lý luận và phương pháp giảng dạy Trò chơi vận động (2 tín chỉ)

Học phần Lý luận và phương pháp giảng dạy Trò chơi vận động, là học phần dành cho đào tạo sinh viên ngành Quản lý TDTT. Thời gian thực hiện học phần là 45 giờ, tương đương 2 tín chỉ. dạy Trò chơi vận động được đưa vào chương trình giảng dạy nhằm giúp người tập vui chơi giải trí, bảo tồn và phát triển các trò chơi dân gian và hiện đại. Đồng thời thông qua đó giáo dục cho họ nhân cách, đạo đức, phát triển các kỹ năng cần thiết hỗ trợ cho các môn thể thao và phương pháp tổ chức, hướng dẫn các môn Trò chơi vận động trong thực tiễn công tác.

4.3. Khối kiến thức ngành

4.3.1. Các học phần bắt buộc

1. Kế hoạch hóa Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Môn học Kế hoạch hóa nhằm trang bị cho người học những cơ sở lý luận của công tác kế hoạch như mục đích, nguyên tắc, phương pháp, chế độ, phân cấp, nội dung, chỉ tiêu, trình tự và quy trình lập kế hoạch. Từ đó giúp người học hình thành kỹ năng xây dựng và triển khai một kế hoạch chiến lược, một đề án hoặc một kế hoạch hành động công tác năm... Đây là học phần nhằm hình thành kỹ năng chuyên biệt về cách lập kế hoạch và triển khai thực hiện một kế hoạch mà một người quản lý, người lãnh đạo cần phải có. Chính vì vậy học phần này đòi hỏi sự vận dụng trong thực tiễn quản lý cao và có mối liên hệ mật thiết với những học phần khác như Khoa học quản lý; Tổ chức quản lý thi đấu thể thao.

2. Khoa học quản lý 1 (4 tín chỉ)

Khoa học quản lý là học phần khoa học ứng dụng và mang tính liên ngành và được đưa vào trong chương trình giảng dạy của nhiều trường Đại học. Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý TDTT nhằm trang bị những kiến thức cơ bản nhất về khoa học quản lý cho sinh viên. Khoa học quản lý nghiên cứu những vấn đề như: khái niệm khoa học quản lý và quản lý; nguyên tắc quản lý; phương pháp quản lý; mục tiêu quản lý; chức năng quản lý... Đồng thời trang bị kiến thức về quá trình quản lý, hoạt động quản lý; trong đó hoạt động lập kế hoạch chiếm một vị trí quan trọng, cũng như vấn đề vận dụng các phương pháp phân tích SWOT và hệ thống STOPKA trong xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược và kế hoạch hành động.

3. Xã hội học Thể dục thể thao 1 (2 tín chỉ)

Xã hội học TDTT là môn khoa học nghiên cứu mối quan hệ giữa TDTT và xã hội cũng như các vấn đề xã hội nội hàm trong lĩnh vực TDTT (quan hệ xã hội, chức năng xã hội, kết cấu xã hội, quá trình xã hội ...). Môn học cung cấp cho người học cơ sở lý luận cơ bản của Xã hội học TDTT bao gồm những kiến thức chung về mối quan hệ giữa TDTT với xã hội, các chức năng xã hội của TDTT, cấu trúc xã hội của TDTT, phân tích xã hội học các lĩnh vực TDTT cụ thể, những khái niệm về lối sống lành mạnh, về

chủ trương xã hội hóa TDTT... Từ đó giúp hình thành thể giới quan đúng đắn về giá trị của TDTT, bồi dưỡng nâng cao tình yêu nghề nghiệp.

4. Xã hội học Thể dục thể thao 2 (2 tín chỉ)

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần giúp sinh viên nắm, hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học xã hội, những mối quan hệ, sự tác động qua lại giữa Thể dục thể thao với các môn khoa học xã hội khác, để có thể nắm hiểu các quy luật vận động của xã hội tác động tới lĩnh vực thể dục thể thao, từ đó vận dụng vào thực tiễn công tác học tập, làm việc trong lĩnh vực thể dục thể thao sau này.

5. Kinh tế học Thể dục thể thao 1 (2 tín chỉ)

Kinh tế học TDTT 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về thể thao và kinh tế thể thao; Lý thuyết cung – cầu trong kinh tế thể thao; Các vấn đề về giá trong kinh tế thể thao; Lý thuyết hành vi của người tiêu dùng trong thể thao; Lý thuyết hành vi của người sản xuất trong hoạt động thể thao; Cấu trúc thị trường trong kinh tế thể thao và Thất bại thị trường trong kinh tế thể thao.

6. Kinh tế học Thể dục thể thao 2 (2 tín chỉ)

Kinh tế học TDTT 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Học phần cung cấp các kiến thức về tài chính và ngân sách thể thao; Phân tích chi phí – lợi ích trong thể thao; Các vấn đề về cơ cấu thị trường lao động trong thể thao; vấn đề chuyển nhượng, định giá cầu thủ và Chiến lược kinh doanh các CLB thể thao

7. Marketing Thể thao (3 tín chỉ)

Marketing thể thao là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Học phần cung cấp kiến thức về hoạt động marketing trong lĩnh vực thể thao, bao gồm cả sản phẩm, dịch vụ, sự kiện, thương hiệu và tổ chức thể thao. Đồng thời tập trung phân tích đặc điểm thị trường thể thao, hành vi người tiêu dùng thể thao, các công cụ marketing mix, kỹ năng xây dựng và triển khai chiến lược marketing thể thao hiện đại, trong đó có marketing sự kiện, digital marketing, quản trị thương hiệu thể thao và tài trợ thể thao.

8. Quản lý truyền thông Thể thao (3 tín chỉ)

Quản lý truyền thông thể thao là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Học phần cung cấp kiến thức tổng quan và chuyên sâu về hoạt động truyền thông thể thao bao gồm: Khái niệm, vai trò, chức năng của truyền thông thể thao; Các bước xây dựng chiến lược và lập kế hoạch truyền thông thể thao; Quan hệ công chúng và xây dựng hình ảnh trong thể thao; Quy trình tổ chức truyền thông sự kiện thể thao; Quản lý khủng hoảng truyền thông trong thể thao và đánh giá hiệu quả truyền thông thể thao.

9. Tổ chức quản lý thi đấu thể thao (3 tín chỉ)

Tổ chức quản lý thi đấu thể dục thể thao là môn học thuộc khối kiến thức ngành của ngành Quản lý TDTT. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý thi đấu thể dục thể thao, như: đại cương về thi đấu thể thao, tổ chức, quy tắc và phương pháp tổ chức quản lý công tác thi đấu thể thao... trên cơ sở đó giúp cho sinh viên tìm hiểu những vấn đề cơ bản trong công tác tổ chức quản lý thi đấu thể dục thể thao và vận dụng trong thực tiễn công tác sau này.

10. Du lịch thể thao(3 tín chỉ)

Học phần Du lịch Thể thao cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về mối liên hệ giữa thể thao và du lịch trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện đại. Học phần giúp sinh viên hiểu được vai trò, tiềm năng, mô hình tổ chức và quản lý các hoạt động du lịch thể thao, đồng thời hình thành năng lực xây dựng, khai thác và phát triển các sản phẩm du lịch thể thao phù hợp với từng địa phương, vùng miền và quốc gia.

11. Quản lý Thể dục thể thao giải trí 1 (3 tín chỉ)

Môn học Quản lý thể thao giải trí trang bị sinh viên về những vấn đề cơ bản liên quan đến thể thao giải trí cũng như xu hướng phát triển của các môn thể thao giải trí trong tương lai, đặc biệt sinh viên sẽ được tìm hiểu những vấn đề cơ bản nhất của thể thao giải trí – một lĩnh vực có khả năng phát triển rất mạnh trong tương lai ở các nước nói chung và Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở những hiểu biết về môn học Quản lý thể thao giải trí sinh viên sau này sau khi ra trường có thể tự mình vận dụng sang tạo những kiến thức đã học vào vị trí công việc của mình hoặc tiến hành mở các trung tâm giải trí với các môn thể thao giải trí phù hợp với từng địa phương.

12. Quản lý Thể dục thể thao giải trí 2 (3 tín chỉ)

Quản lý thể thao giải trí là môn học thuộc khối kiến thức dành riêng cho chuyên ngành quản lý TDTT trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về quản lý TDTT giải trí, giới thiệu được các môn thể thao giải trí đang thịnh hành hiện nay. Hướng dẫn các phương pháp tổ chức, tập luyện các môn TDTT giải trí trong xã hội, từ đó giúp phát triển phong trào tập luyện và thi đấu thể thao trong quần chúng nhân dân, thỏa mãn những nhu cầu hưởng thụ giá trị vật chất và tinh thần của con người trong xã hội.

4.3.2. Các học phần tự chọn

13. Pháp lý Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Pháp lý TDTT là học phần thuộc khối kiến thức ngành Quản lý TDTT nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Luật thể dục, thể thao cũng như các văn bản quy phạm pháp luật về TDTT. Từ đó giúp người học có thể triển khai những nhiệm vụ về quản lý TDTT phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước và đúng với quy định của pháp luật hiện hành.

14. Quản lý thể thao thành tích cao (2 tín chỉ)

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý nói chung và quản lý thể thao thành tích cao nói riêng, như: khái luận về Quản lý; Lý luận chung về thể thao thành tích cao; Quan điểm, mục tiêu, yêu cầu trong hoạt động thể thao thành tích cao; Hệ thống huấn luyện, quản lý trong hoạt động thể thao thành tích cao và thực tiễn công tác quản lý và phát triển thể thao thành tích cao ở một số nước. Học phần là kiến thức nền tảng, giúp sinh viên tiếp cận dễ dàng hơn với các kiến thức thuộc các học phần khác của ngành Quản lý TDTT.

15. Văn bản lưu trữ (2 tín chỉ)

Văn bản lưu trữ là môn học thuộc khối kiến thức dành riêng cho chuyên ngành quản lý TDTT. Trong thời lượng 30 tiết môn học sẽ đưa ra các vấn đề cơ bản về lý luận về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng. Môn học giới thiệu về cách thức quản lý và giải quyết các loại văn bản đi, văn bản đến trong các cơ quan nhà nước đồng thời giới thiệu các loại văn bản cụ thể hiện đang tồn tại trong các cơ quan nhà nước.

16. Quản lý TDTT quần chúng (2 tín chỉ)

Quản lý thể dục thể thao quần chúng là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân thể dục thể thao ngành Quản lý TDTT. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành, học phần nghiên cứu những kiến thức đại cương về quản lý và quản lý thể dục thể thao, đồng thời tìm hiểu những vấn đề cơ bản về quản lý lĩnh vực thể dục thể thao quần chúng.

17. Đường lối Thể dục thể thao của Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Đường lối thể dục thể thao của Đảng cộng sản Việt Nam là môn học chính trị TDTT trong chương trình đào tạo cử nhân thể dục thể thao ngành Quản lý TDTT. Môn học này có vị trí quan trọng trong Chương trình đào tạo, nghiên cứu những kiến thức cơ bản về các quan điểm và định hướng phát triển của Đảng đối với lĩnh vực TDTT.

18. Tin học trong quản lý (2 tín chỉ)

Học phần Tin học trong quản lý trang bị cho sinh viên một số kiến thức về soạn thảo văn bản hành chính, kiến thức nâng cao về tin học văn phòng. Thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng sử dụng máy tính phục vụ công việc học tập và nghiên cứu khoa học, là công cụ hỗ trợ cho việc học các môn học tiếp theo của chương trình và chuẩn bị những kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin khi ra trường, đáp ứng những yêu cầu của nhà tuyển dụng trong thời đại công nghệ thông tin.

19. Toán kinh tế (2 tín chỉ)

Cung cấp các kiến thức cơ bản, hiện đại về bài toán tối ưu giúp sinh viên nắm được các vấn đề về lý luận và thực tiễn trong đo lường, đánh giá các hoạt động thể dục thể thao, qua đó ứng dụng trong quá trình giảng dạy, quản lý và nghiên cứu khoa học TDTT.

20. Quản trị thương hiệu (2 tín chỉ)

Học phần Quản trị thương hiệu cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về vai trò, giá trị và chiến lược xây dựng, phát triển, định vị và quản trị thương hiệu trong môi trường cạnh tranh hiện đại. Người học sẽ hiểu được tầm quan trọng của thương hiệu trong hoạt động kinh doanh và quản trị, từ đó hình thành tư duy chiến lược về thương hiệu cho cá nhân, doanh nghiệp hoặc tổ chức.

21. Đàm phán và giao tiếp (2 tín chỉ)

Học phần Đàm phán và Giao tiếp cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng nền tảng về quá trình giao tiếp và nghệ thuật đàm phán trong môi trường chuyên nghiệp. Người học sẽ hiểu rõ vai trò, nguyên tắc và kỹ thuật giao tiếp hiệu quả, đồng thời rèn luyện năng lực đàm phán trong các tình huống khác nhau như đàm phán kinh doanh, đàm phán giải quyết xung đột, đàm phán hợp tác, đàm phán trong tổ chức.

22. Quản lý sân bãi, công trình Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần quản lý sân bãi, công trình TDTT trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về công tác quản lý công trình thể dục thể thao như: Hệ thống công trình thể thao, nhu cầu, khả năng đáp ứng, tổ chức, thiết kế và quản lý dịch vụ TDTT, vận dụng hiệu quả trong công tác tổ chức, thi đấu thể thao.

4.4. Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp

1. Thực tập nghiệp vụ lần 1 (3 tín chỉ)

Tìm hiểu, trực tiếp làm quen với điều kiện thực tiễn để sinh viên có hướng rèn luyện làm quen với thực tiễn hoạt động của các phòng, trung tâm, các Sở Văn hoá, Thể thao & Du lịch. Qua công tác thực tập nghiệp vụ lần 1 sẽ bồi dưỡng cho sinh viên tình yêu ngành nghề, ý thức trách nhiệm, tính tổ chức kỷ luật trong công tác chuyên môn.

2. Thực tập nghiệp vụ lần 2 (5 tín chỉ)

Tìm hiểu, làm quen với điều kiện thực tiễn ở cơ sở để sinh viên có hướng rèn luyện, học tập và hoàn thiện các nghiệp vụ chuyên môn về TDTT. Giúp sinh viên củng cố và vận dụng kiến thức chuyên môn đã học vào thực tiễn phong trào TDTT cơ sở, hình thành kỹ năng hoạt động chuyên môn. Bồi dưỡng tình yêu ngành nghề cho sinh viên, ý thức trách nhiệm, tính tổ chức kỷ luật của người cán bộ TDTT, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, trang bị kỹ năng tổ chức các hoạt động nghiệp vụ TDTT ở cơ sở.

3. Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Trong học kỳ cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kỹ năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên.

*** Học phần chuyên môn thay thế**

1. Quản lý hoạt động thể dục thể thao xã hội (3 tín chỉ)

Học phần Quản lý hoạt động TDTT xã hội giúp trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về TDTT cho nông dân, công nhân viên chức, người lao động; những vấn đề về phát triển phong trào luyện tập TDTT ở KCN-KCX và nông thôn. Đồng thời học phần giúp người học hiểu và nắm rõ quan điểm của Đảng và nhà nước về thể thao người khuyết tật cũng như các nguyên tắc cơ bản trong phát triển lĩnh vực TDTT mang tính nhân văn này.

2. Khoa học quản lý (3 tín chỉ)

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và khoa học quản lý, giúp sinh viên nắm bắt và vận dụng những kiến thức khoa học quản lý vào thực tiễn để đáp ứng những yêu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội. Giúp cho sinh viên có sự hiểu biết và nắm vững những kiến thức lý luận về khoa học quản lý để vận dụng vào thực tiễn. Giúp cho sinh viên có điều kiện dễ dàng tiếp cận với các môn học khác có liên quan trong khối kiến thức chuyên ngành. Trang bị những kỹ năng cần thiết cho cán bộ TDTT.

5. Đề cương chi tiết (đính kèm tại phụ lục)

6. Phương pháp giảng dạy và học tập

TT	Phương pháp	Mô tả
1	Dạy học trực tiếp	Là phương pháp dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Phương pháp dạy học này thường được áp dụng khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

TT	Phương pháp	Mô tả
1.1	Giải thích cụ thể	Giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.
1.2	Thuyết giảng	Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.
1.3	Đàm thoại - Tham luận	Giảng viên khéo léo đặt hệ thống câu hỏi để sinh viên trả lời nhằm gợi mở cho sinh viên sáng tỏ những vấn đề mới; tự khai phá những tri thức mới bằng sự tái hiện những kiến thức đã học hoặc những kinh nghiệm đã tích lũy được, nhằm giúp sinh viên củng cố, mở rộng, đào sâu, tổng kết, hệ thống hoá tri thức đã tiếp thu được
2	Dạy học gián tiếp	Giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.
2.1	Câu hỏi gợi mở	Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.
2.2	Giải quyết vấn đề	Người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Giảng viên tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiển sinh viên phát hiện vấn đề hay thách thức trong thực tế để sinh viên hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề bằng quan điểm cá nhân và kiến thức đã lĩnh hội.
2.3	Học theo tình huống	Giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.
3	Học trải nghiệm	Là phương pháp dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.
3.1	Mô hình	Sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giảng viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.
3.2	Thực tập, thực tế	Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại các đơn vị và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công việc đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong đơn vị. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

TT	Phương pháp	Mô tả
3.3	Thí nghiệm	Giảng viên sử dụng các thao tác thí nghiệm, sinh viên quan sát và thực hành các thí nghiệm đó theo hướng dẫn của giảng viên. Từ đó hướng đến mục tiêu dạy học.
3.4	Nhóm nghiên cứu giảng dạy	Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.
4	Dạy học tương tác	Giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.
4.1	Tranh luận	Giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.
4.2	Thảo luận	Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.
4.3	Học nhóm	Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.
5	Tự học	Tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.
	Bài tập ở nhà	Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra.

7. Phương pháp đánh giá

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

Hệ thống tính điểm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm thi theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẽ đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được quy định trong đề cương học phần và được làm tròn

đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ là: A, B+, B, C+, C, D+, D (loại đạt) và F (không đạt).

Thang điểm 10	Điểm 4	Điểm chữ
9,0 đến 10,0	4,0	A+
8,0 đến cận 9,0	3,5	A
7,0 đến cận 8,0	3,0	B+
6,0 đến cận 7,0	2,5	B
5,0 đến cận 6,0	2,0	C
4,0 đến cận 5,0	1,5	D+
3,0 đến cận 4,0	1,0	D
<3,0	0,0	F

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

a) Học phần lý thuyết, thực hành

TT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Chuyên cần	Mức độ tham dự theo thời khóa biểu Mức độ tham gia các hoạt động học tập	10%
2	Quá trình	Học phần lý thuyết: Hiểu được lý thuyết, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống theo yêu cầu của bài kiểm tra Học phần thực hành: Kỹ thuật động tác hoặc bài test theo yêu cầu của từng môn thể thao	30%
3	Cuối kỳ	Học phần lý thuyết: Hiểu được lý thuyết, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống theo yêu cầu của bài thi. Nội dung kiểm tra toàn bộ học phần. Học phần thực hành: Theo tiêu chí riêng của từng môn thể thao	60%
Tổng điểm		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	100%

b) Học phần Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần chuyên môn thay thế)

TT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Học phần Khóa luận tốt nghiệp			
1	Nội dung	Tính cấp thiết, mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu	10%
		Tổng quan vấn đề nghiên cứu	10%
		Phương pháp và tổ chức nghiên cứu	10%
		Kết quả nghiên cứu và bàn luận	30%
		Kết luận và kiến nghị	10%
2	Hình thức	Hình thức, bố cục khóa luận và tóm tắt khóa luận	10%

3	Trình bày báo cáo	Báo cáo khóa luận	10%
		Hỏi và trả lời	10%
Tổng điểm			100%
Học phần chuyên môn thay thế			
1	Chuyên cần	Điểm danh, theo dõi ý thức và sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	10%
2	Quá trình	Kiểm tra tự luận trên lớp	30%
3	Cuối kỳ	Thi tự luận đề kín do phòng khảo thí tổ chức.	60%
Tổng cộng			100%

8. Thời gian cập nhật

Thời điểm rà soát được thực hiện căn cứ vào Hướng dẫn rà soát, xây dựng CTĐT theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.